

MỤC LỤC

1. Giới thiệu iSpring QuizMaker	4
2. Cách tạo mới bài kiểm tra	5
2.1. <i>Thêm câu hỏi cho bài kiểm tra.....</i>	6
2.2. <i>Xóa câu hỏi khỏi bài kiểm tra</i>	8
2.3. <i>Sao chép câu hỏi</i>	9
3. Các loại Slide có thể có trong bài kiểm tra	9
3.1. <i>Slide giới thiệu (Intro Slide).....</i>	10
3.2. <i>Slide lấy thông tin người học (User Info Form)</i>	11
3.3. <i>Slide hướng dẫn (Instruction Slide).....</i>	13
3.4. <i>Slide kết quả (Result Slide)</i>	14
4. Nhóm câu hỏi (Question Group).....	16
4.1. <i>Đổi tên nhóm câu hỏi.....</i>	16
4.3. <i>Di chuyển nhóm và xóa nhóm</i>	17
4.4. <i>Chọn câu hỏi ngẫu nhiên từ một nhóm</i>	18
4.5. <i>Nhóm câu hỏi ngẫu nhiên</i>	19
5. Thiết lập các thuộc tính của bài kiểm tra (Quiz Properties)	20
5.1. <i>Main Properties</i>	20
5.2. <i>Quiz Scoring.....</i>	21
5.3. <i>Question Properties</i>	21
5.4. <i>Question List</i>	22
5.5. <i>Reporting</i>	23
6. Việt hóa các thông báo và nút lệnh của bài kiểm tra	25
6.1. <i>Xuất bản việt hóa ra thành tập tin (Export)</i>	25
6.2. <i>Nhập tập tin đã việt hóa từ máy tính (Import)</i>	26
7. Xem trước bài kiểm tra trước khi xuất bản (Preview)	27
8. Xuất bản bài kiểm tra (Publish Quizzes).....	28

DANH MỤC HÌNH ẢNH

Hình 4. 1: Cửa sổ của iSpring QuizMaker	4
Hình 4. 2: Mở chương trình tạo câu hỏi trắc nghiệm	5
Hình 4. 3: Cửa sổ Quick Start của iSpring QuizMaker	5
Hình 4. 4: Tạo bài kiểm tra từ menu ứng dụng	5
Hình 4. 5: Các dạng câu hỏi cho bài kiểm tra	6
Hình 4. 6: Chọn loại câu hỏi thêm vào bài kiểm tra	7
Hình 4.7: Nhập nội dung câu hỏi.....	7
Hình 4. 8: Nhập các lựa chọn và đáp án cho câu hỏi.....	7
Hình 4. 9: Cài đặt tham số cho câu hỏi hiện tại.....	8
Hình 4. 10: Cài đặt phản hồi cho câu hỏi hiện tại	8
Hình 4. 11: Xóa câu hỏi.....	8
Hình 4. 12: Tạo bản sao của câu hỏi.....	9
Hình 4. 13: Màn hình slide giới thiệu	10
Hình 4. 14: tạo slide giới thiệu	10
Hình 4.15: Nhập thông tin cho slide giới thiệu	10
Hình 4. 16: Chỉnh sửa giao diện slide giới thiệu	11
Hình 4. 17: Mẫu lấy thông tin người học	11
Hình 4. 18: Tạo slide lấy thông tin người học	11
Hình 4. 19: Thiết lập mẫu lấy thông tin người học.....	12
Hình 4. 20: Tùy chỉnh giao diện hiển thị của User Info Form	13
Hình 4. 21: Slide hướng dẫn.....	13
Hình 4. 22: Tạo slide hướng dẫn	13
Hình 4. 23: Nhập nội dung cho slide hướng dẫn	14
Hình 4. 24: Tùy chỉnh giao diện slide hướng dẫn	14
Hình 4. 25: Cài đặt slide kết quả.....	15
Hình 4. 26: Thêm nhóm câu hỏi	16
Hình 4. 27: Đổi tên nhóm câu hỏi.....	17

Hình 4. 28: Tạo bản sao của nhóm câu hỏi	17
Hình 4. 29: Xóa nhóm và di chuyển nhóm câu hỏi	18
Hình 4. 30: Chọn câu hỏi ngẫu nhiên từ một nhóm.....	18
Hình 4.31: Chọn câu hỏi từ các nhóm ngẫu nhiên	19
Hình 4. 32: Mở hộp thoại Quiz Properties	20
Hình 4. 33: Màn hình Quiz Properties	20
Hình 4. 34: Đặt tên và quy định thời gian cho bài kiểm tra	21
Hình 4. 35: quy định điểm tối thiểu cho bài kiểm tra	21
Hình 4. 36: quy định điểm và các thuộc tính cho các câu hỏi của bài kiểm tra	22
Hình 4. 37: quy định số lượng câu hỏi từ các nhóm để đưa vào bài kiểm tra	22
Hình 4. 38: mẫu báo cáo rút gọn khi gửi về mail của người hướng dẫn	23
Hình 4. 39: phiên bản mở rộng của báo cáo.....	24
Hình 4. 40: thiết lập thông tin báo cáo khi gửi về mail của người hướng dẫn.....	24
Hình 4. 41: việt hóa các thông điệp của bài kiểm tra.....	25
Hình 4. 42: xuất bản việt hóa thành tập tin	25
Hình 4. 43: lưu bản việt hóa trong máy tính	26
Hình 4. 44: mở hộp thoại import	26
Hình 4. 45: Import tập tin đã việt hóa vào player của câu hỏi quiz.....	27
Hình 4. 46: xem trước bài kiểm tra	27
Hình 4. 47: xem trước nhóm câu hỏi	28
Hình 4. 48: mở hộp thoại xuất bản bài kiểm tra	28
Hình 4. 49: xuất bản bài kiểm tra.....	29
Hình 4. 50: xuất bản bài giảng thành công.....	30
Hình 4. 51: bài kiểm tra được mở trên trình duyệt web.....	30

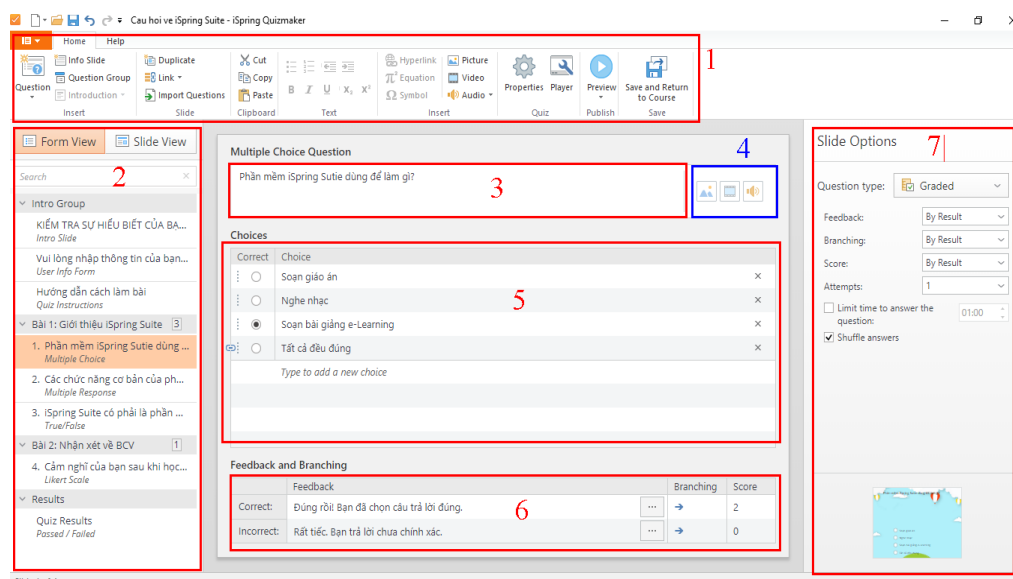
HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG ISPRING SUITE 9

ĐỂ TẠO NGÂN HÀNG CÂU HỎI VÀ BÀI KIỂM TRA

1. Giới thiệu iSpring QuizMaker

- ❖ Các câu hỏi hiệu quả và hấp dẫn có thể làm cho bài giảng e-Learning của bạn thành công hơn. iSpring Suite cho phép bạn tạo ra các câu hỏi trắc nghiệm và các bài khảo sát với nhiều dạng câu hỏi khác nhau.
- ❖ Với iSpring QuizMaker, bạn có thể dễ dàng tạo ra các bài kiểm tra có khả năng tương tác với người học và có thể xuất bản trên bất kỳ hệ thống quản lý học tập (LMS) nào tuân thủ chuẩn SCORM dưới dạng HTML5.
- ❖ iSpring QuizMaker dễ dàng sử dụng, giao diện trực quan và hỗ trợ 14 dạng câu hỏi khác nhau, cho phép người học có thể vừa học vừa chơi theo cách riêng của họ.
- ❖ Cửa sổ chính của iSpring QuizMaker gồm các thành phần sau: (Hình 4.1)

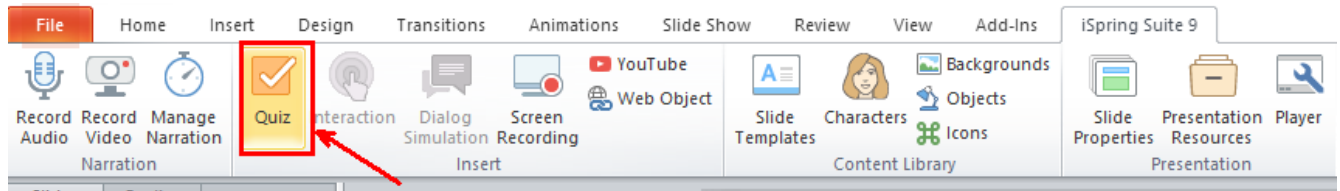
- (1) Thanh công cụ
- (2) Danh sách câu hỏi với 2 chế độ Slide View/Form View
- (3) Khung chứa nội dung câu hỏi
- (4) Khung để chèn âm thanh, hình ảnh, video cho câu hỏi
- (5) Chi tiết câu trả lời
- (6) Phản hồi và rẽ nhánh
- (7) Chỉnh sửa các tùy chọn liên quan đến câu hỏi



Hình 4. 1: Cửa sổ của iSpring QuizMaker

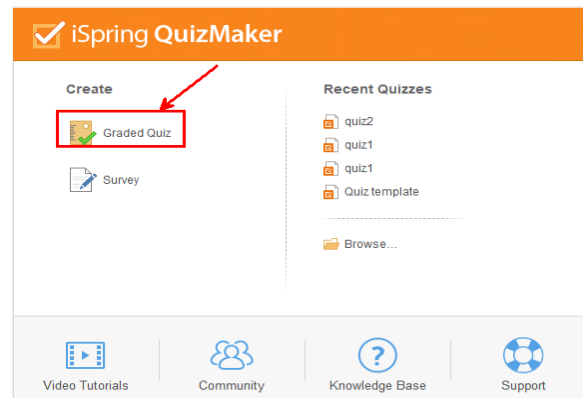
2. Cách tạo mới bài kiểm tra

☞ **Bước 1:** Trên thanh công cụ của *iSpring Suite 9*, nhấn chọn **Quiz** để mở chương trình tạo câu hỏi trắc nghiệm *iSpring QuizMaker*. (Hình 4.2)



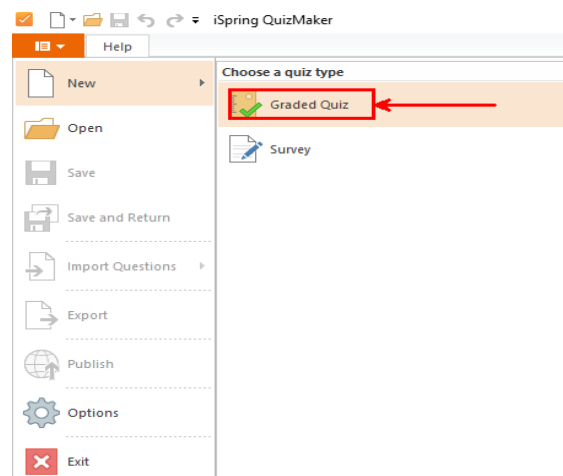
Hình 4. 2: mở chương trình tạo câu hỏi trắc nghiệm

☞ **Bước 2:** Sau khi khởi động *iSpring QuizMaker*, bạn sẽ thấy cửa sổ **Quick Start** xuất hiện. Tại đây, bạn có thể tạo bài kiểm tra hoặc bài khảo sát mới, bạn cũng có thể mở các bài kiểm tra đã thực hiện gần đây ngay mục **Recent Quizzes**. (Hình 4.3)



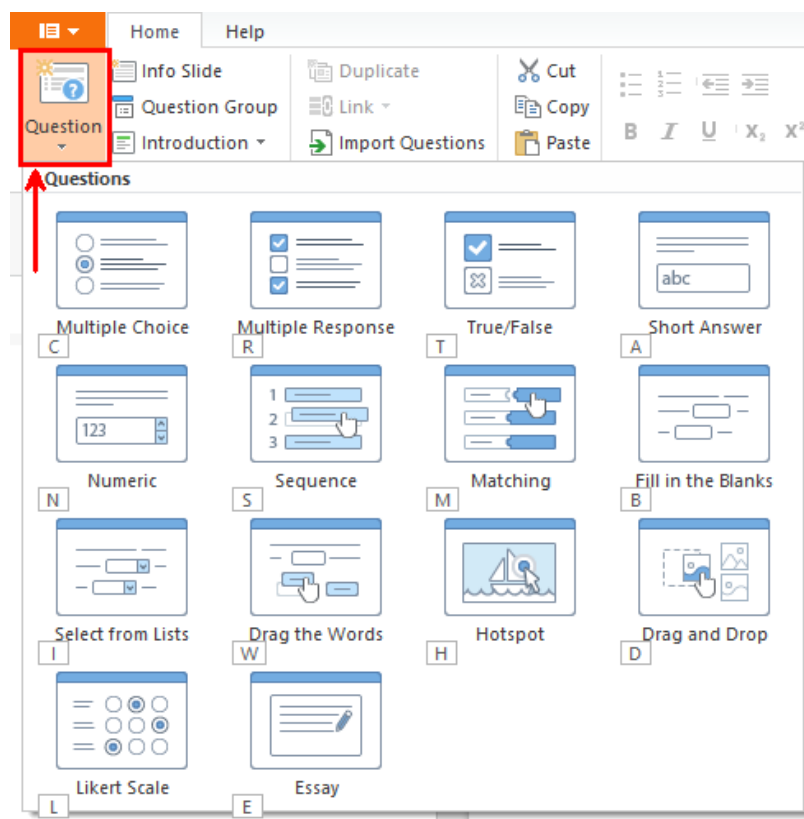
Hình 4. 3: cửa sổ Quick Start của iSpring QuizMaker

❖ Ngoài ra, bạn có thể tạo bài kiểm tra mới từ thanh menu của ứng dụng hoặc thanh công cụ truy cập nhanh bằng cách chọn **New → Graded Quiz** (Hình 4.4)



Hình 4. 4: tạo bài kiểm tra từ menu ứng dụng

- **Bước 3:** Sau khi tạo bài kiểm tra, cửa sổ biên tập câu hỏi xuất hiện, nơi bạn có thể thêm các câu hỏi vào bài kiểm tra. Bạn có thể thêm bất kỳ dạng câu hỏi nào vào bài kiểm tra, kể cả các câu hỏi dạng khảo sát. (Hình 4.5)

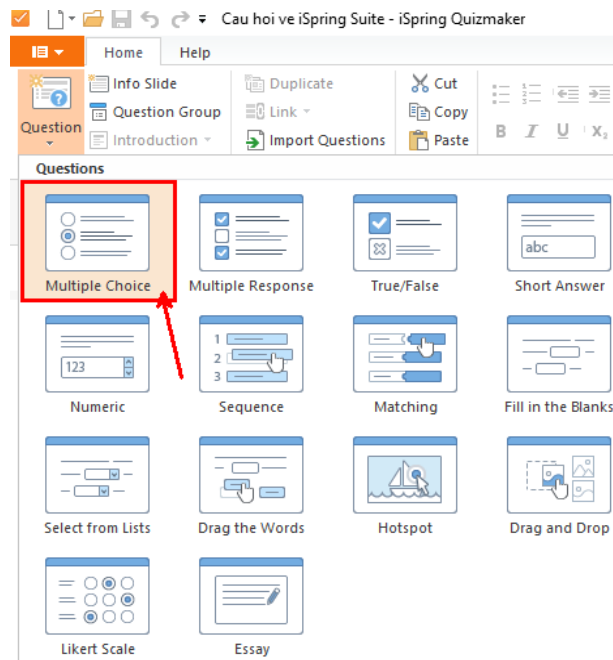


Hình 4. 5: các dạng câu hỏi cho bài kiểm tra

2.1. Thêm câu hỏi cho bài kiểm tra

- Giao diện của khung chứa danh sách câu hỏi (2) có 2 tabs: **Form View** và **Slide View**. Để chỉnh sửa chi tiết các thuộc tính của câu hỏi và các lựa chọn trả lời thì sử dụng chế độ **Form View**. Để chuyển sang chế độ chỉnh sửa trực quan, giống như khi hiển thị câu hỏi ra màn hình thì chọn chế độ **Slide View**.
- Ở chế độ **Form View** ta có thể thực hiện các công việc sau:
- Bạn có thể thêm câu hỏi vào bài kiểm tra với số lượng không giới hạn. Khi thêm câu hỏi, bạn có thể chọn từ 14 loại câu hỏi khác nhau. Để thêm câu hỏi vào bài kiểm tra, ta thực hiện như sau:

- **Bước 1:** Chọn một trong các loại câu hỏi từ thư viện câu hỏi (Hình 4.6)



Hình 4. 6: chọn loại câu hỏi thêm vào bài kiểm tra

☞ **Bước 2:** Nhập nội dung câu hỏi tại ô **Question** (Hình 4.7)

Multiple Choice Question

Phần mềm iSpring Suite dùng để làm gì?

nhập nội dung tại đây

Choices

Correct	Choice
	Type to add a new choice

Hình 4.7: nhập nội dung câu hỏi

☞ **Bước 3:** Thêm âm thanh, hình ảnh hoặc video vào câu hỏi (nếu cần thiết)

☞ **Bước 4:** Nhập các lựa chọn của câu hỏi vào cột **Choice** và chọn đáp án đúng ở cột **Correct** (tùy vào loại câu hỏi) (Hình 4.8)

Multiple Choice Question

Phần mềm iSpring Suite dùng để làm gì?

Choices

Correct	Choice
<input type="radio"/>	Soạn giáo án
<input type="radio"/>	Nghe nhạc
<input checked="" type="radio"/>	Soạn bài giảng e-Learning
<input type="radio"/>	Tất cả đều đúng

Type to add a new choice

Hình 4. 8: Nhập các lựa chọn và đáp án cho câu hỏi

- ☞ **Bước 5:** Các câu hỏi mới được thêm vào có các tham số mặc định được thiết lập trong phần **Question Properties** của **Quiz Properties**. Nếu cần thiết, bạn có thể thiết lập tham số cụ thể cho câu hỏi hiện tại trong khung **Slide Option** phía bên phải của cửa sổ chỉnh sửa câu hỏi. (Hình 4.9)

Hình 4. 9: cài đặt tham số cho câu hỏi hiện tại

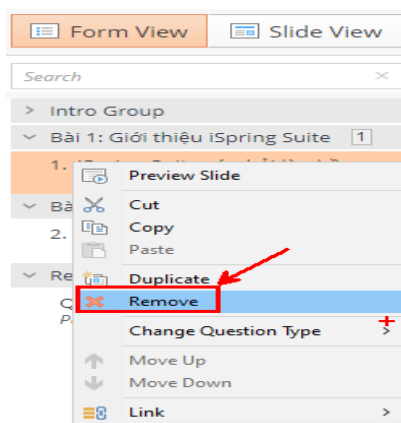
- ☞ **Bước 6:** Nếu cần thiết, bạn có thể thay đổi cài đặt phản hồi cho câu hỏi đó. (Hình 4.10)

Feedback and Branching			
	Feedback	Branching	Score
Correct:	Đúng rồi! Bạn đã chọn câu trả lời đúng.	→	1
Incorrect:	Rất tiếc. Bạn trả lời chưa chính xác.	→	0

Hình 4. 10: cài đặt phản hồi cho câu hỏi hiện tại

2.2. Xóa câu hỏi khỏi bài kiểm tra (Hình 4.11)

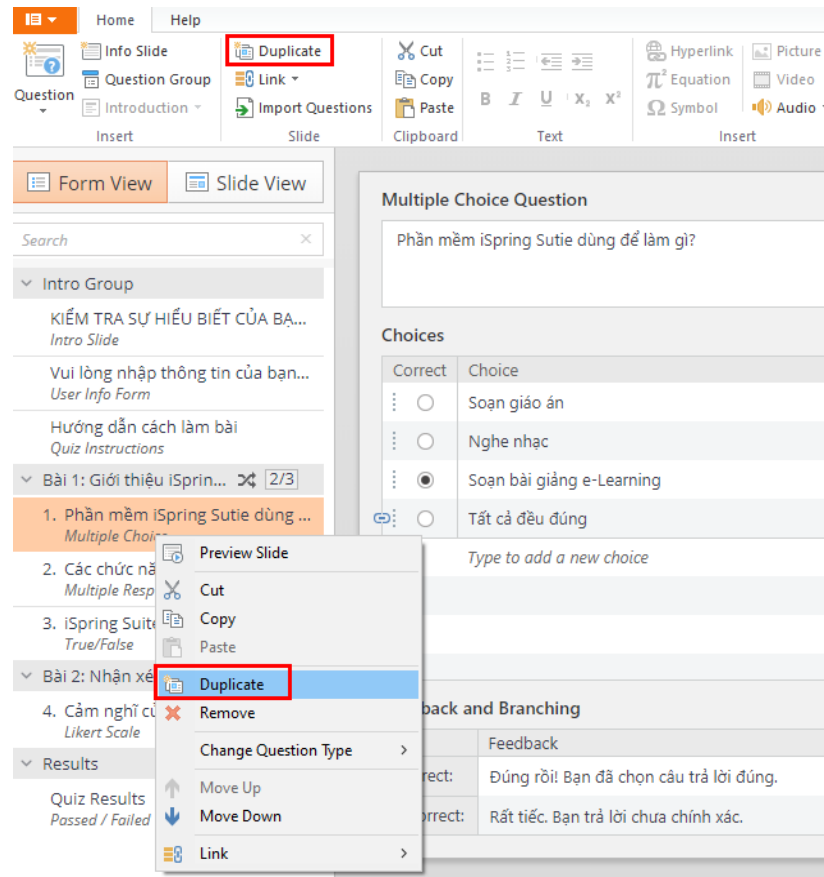
- Nhấn chuột phải vào câu hỏi cần xóa và chọn **Remove** hoặc nhấn nút **Delete**
- Nhấn **Yes** để xác nhận xóa



Hình 4. 11: Xóa câu hỏi

2.3. Sao chép câu hỏi (Hình 4.12)

- Để tạo thêm một hay nhiều bản sao của câu hỏi cho trước
 - Chọn một hay nhiều câu hỏi muốn tạo bản sao (sử dụng phím **Ctrl** hoặc **Shift**)
 - Nhấn vào **Duplicate** trên thanh Ribbon hoặc nhấn chuột phải vào câu hỏi đó và chọn **Duplicate** từ danh sách xổ xuống.



Hình 4.12: tạo bản sao của câu hỏi

3. Các loại Slide có thể có trong bài kiểm tra

- ❖ Ngoài các slide câu hỏi, bạn có thể sử dụng các loại slide sau trong bài kiểm tra của mình:
 - Slide giới thiệu (Intro Slide)
 - Mẫu thông tin người dùng (User Info Form)
 - Slide hướng dẫn (Instruction Slide)
 - Slide thông tin (Info Slide)
 - Slide kết quả (Result Slide)

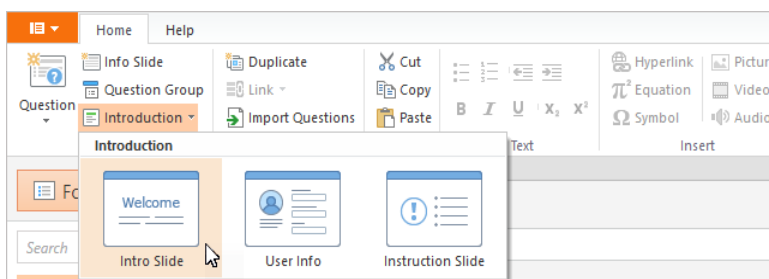
3.1. Slide giới thiệu (Intro Slide)

- Slide giới thiệu là slide đầu tiên của bài kiểm tra. Mục đích của phần giới thiệu là để thu hút sự chú ý của người học và cung cấp cho họ một cái nhìn tổng quan về những gì sẽ diễn ra. Chỉ có thể có một slide giới thiệu trong bài kiểm tra. (Hình 4.13)



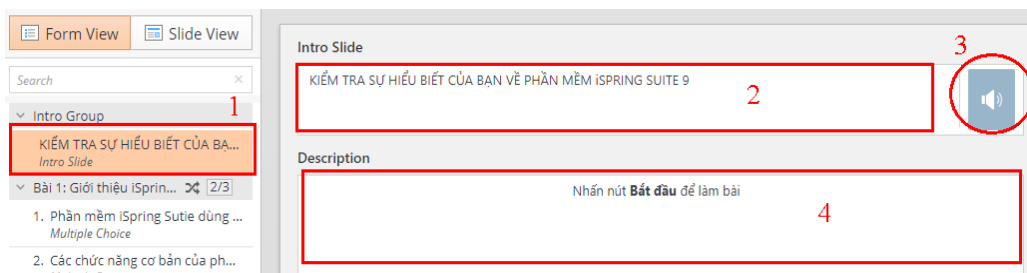
Hình 4.13: Màn hình slide giới thiệu

- Để thêm slide giới thiệu vào bài kiểm tra, thực hiện như sau:
 - ☞ **B1:** Nhấn vào nút **Introduction** trên thanh công cụ và chọn **Intro Slide** (Hình 4.14)



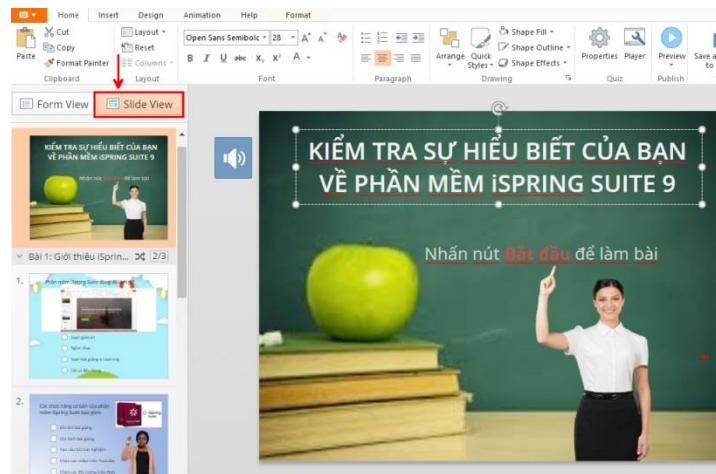
Hình 4.14: tạo slide giới thiệu

- ☞ **B2:** Slide giới thiệu luôn hiển thị ở đầu danh sách các câu hỏi, để thêm thông tin chi tiết vào slide giới thiệu (Hình 4.15)
 - Nhấp chọn slide giới thiệu ở khung danh sách câu hỏi (1)
 - Nhập tiêu đề cho slide giới thiệu (2), thêm âm thanh (nếu cần thiết) (3)
 - Nhập mô tả cho slide giới thiệu (4)



Hình 4.15: Nhập thông tin cho slide giới thiệu

☞ **B3:** Tùy chỉnh giao diện của slide giới thiệu trong chế độ Slide View (Hình 4.16)



Hình 4.16: chỉnh sửa giao diện slide giới thiệu

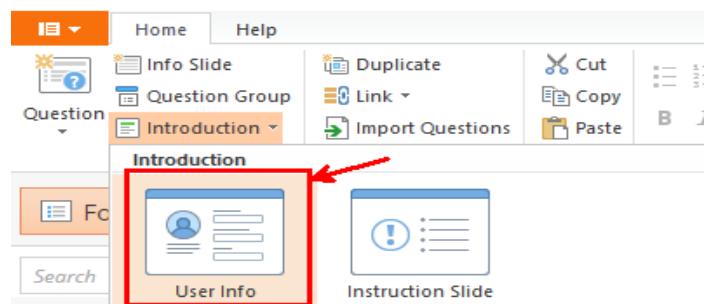
3.2. Slide lấy thông tin người học (User Info Form)

- Mẫu thông tin người dùng nhằm thu thập thông tin về người học trước khi bắt đầu bài kiểm tra. Sau đó, thông tin này cùng với kết quả của bài kiểm tra sẽ hiển thị trong email của giáo viên hoặc của người học. (Hình 4.17)

Hình 4.17: Mẫu lấy thông tin người học

- Để thêm slide thu thập thông tin người học, ta thực hiện:

☞ **B1:** Nhấp chọn **Introduction** trên thanh công cụ và chọn **User Info** (Hình 4.18)

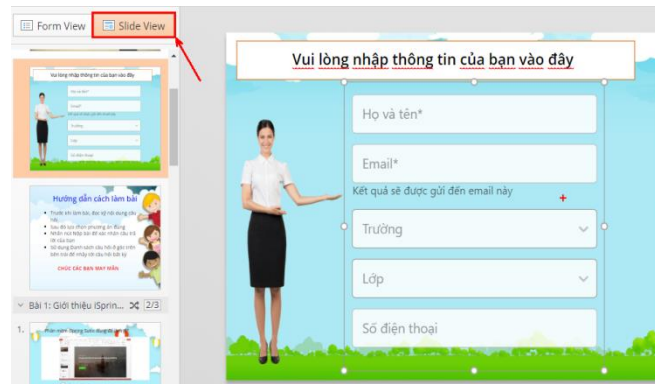


Hình 4.18: tạo slide lấy thông tin người học

- ☞ **B2:** Trong trường **User Info Form (2)**, nhập một thông điệp để hiển thị cho người học thấy (Hình 4.19)

Hình 4. 19: thiết lập mẫu lấy thông tin người học

- ☞ **B3:** Phần **Form Fields** chứa các thông tin để người học điền vào, cụ thể: (Hình 4.19)
- **Field Name (3):** điền tiêu đề của thông tin muốn thu thập từ người học. Theo mặc định thì 2 trường Họ tên và Email là bắt buộc. Để thêm một trường mới thì nhấp chuột vào dòng *Type to add a new field*.
 - **Condition (4):** đối với mỗi thông tin, bạn phải thiết lập điều kiện tương ứng cho nó.
 - **Mandatory:** bắt buộc người học phải nhập thông tin vào trường này, khi hiển thị sẽ có dấu * nằm bên cạnh, nếu người học bỏ qua trường này thì sẽ không thực hiện được bước tiếp theo.
 - **Optional:** người học có thể tùy chọn việc nhập hoặc không nhập thông tin đó (có thể để trống).
 - **Don't ask:** trường này sẽ không hiển thị cho người học thấy.
 - **Field Type (5):** cho phép chọn kiểu dữ liệu để nhập thông tin
 - **Text:** người học có thể nhập thông tin dưới dạng văn bản
 - **Email:** địa chỉ email khi nhập vào sẽ được kiểm tra tính đúng đắn
 - **Choice:** người học chọn một trong những lựa chọn mà người tạo ra bài kiểm tra đã liệt kê sẵn.
 - **Initial Value (6):** thiết lập các giá trị khởi tạo ban đầu cho thông tin được nhập dưới dạng lựa chọn.
- ☞ **B4:** Chuyển sang chế độ Slide View để tùy chọn giao diện hiển thị cho slide thu thập thông tin. (Hình 4.20)



Hình 4. 20: tùy chỉnh giao diện hiển thị của User Info Form

3.3. Slide hướng dẫn (Instruction Slide)

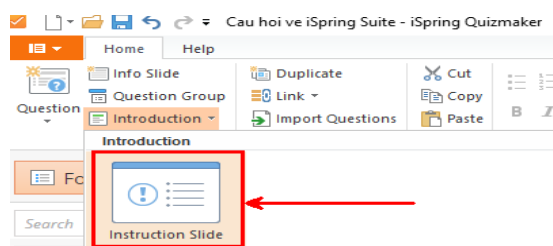
- Một slide hướng dẫn có thể được đặt ở đầu bài kiểm tra, để người học có thể chuẩn bị cho những nhiệm vụ phía trước. Nếu bài kiểm tra có thời gian cụ thể thì thời gian đếm ngược chỉ bắt đầu sau slide hướng dẫn này.
- Trong slide hướng dẫn này, có thể cho người học biết các tài liệu tham khảo được sử dụng trong bài kiểm tra, được phép làm thử lại bài kiểm tra bao nhiêu lần và số điểm tối thiểu cần đạt để vượt qua bài kiểm tra là bao nhiêu. Ngoài ra, bạn có thể chuyển tiếp qua lại giữa các câu hỏi trong bài kiểm tra hoặc cách xem danh sách các câu hỏi để nhảy tới câu hỏi bất kỳ, và cách để hoàn thành bài kiểm tra. (Hình 4.21)



Hình 4. 21: Slide hướng dẫn

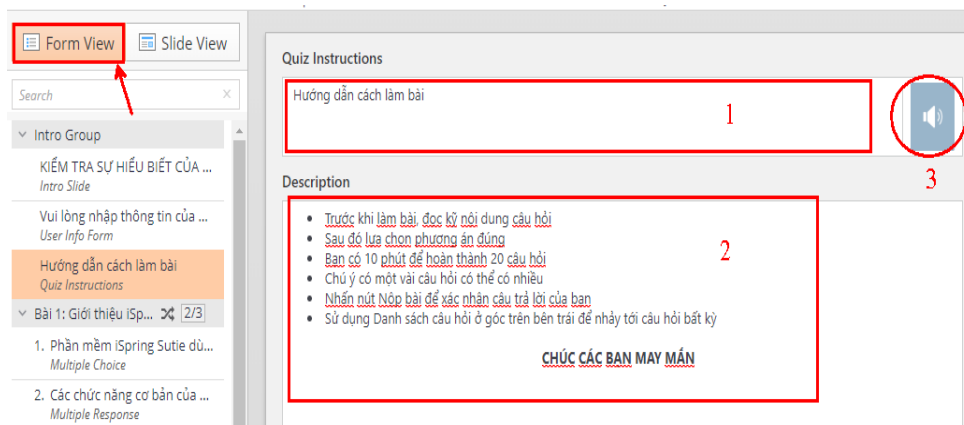
- Để tạo slide hướng dẫn, thực hiện như sau:

☞ **B1:** nhấn vào **Introduction** trên thanh công cụ và chọn Instruction Slide (Hình 4.22)



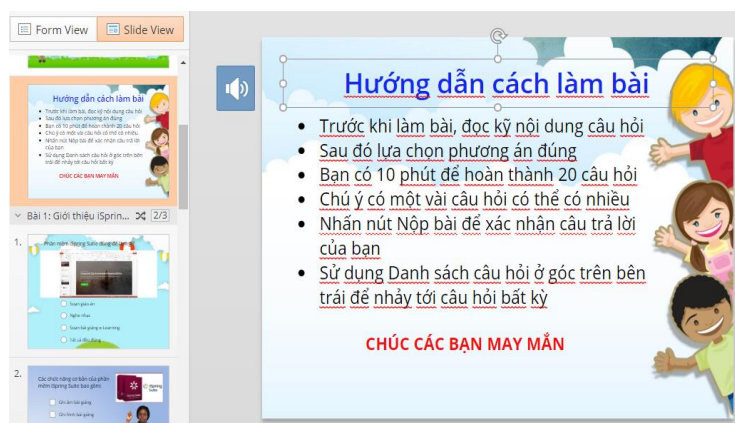
Hình 4. 22: tạo slide hướng dẫn

- ☞ **B2:** Ở chế độ Form View, nhập tiêu đề cho slide hướng dẫn ở ô **Quiz Instructions (1)** và nội dung hướng dẫn làm bài ở ô **Description (2)**. Nhấn vào biểu tượng Add Audio (3) để thêm âm thanh cho slide hướng dẫn (nếu cần thiết). (Hình 4.23)



Hình 4. 23: nhập nội dung cho slide hướng dẫn

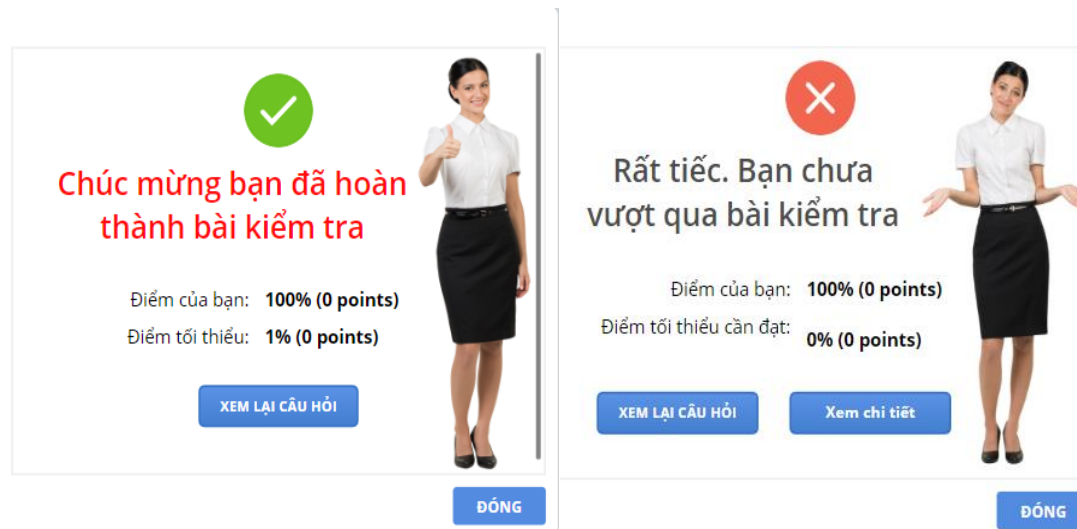
- ☞ **B3:** Ở chế độ Slide View, bạn có thể sắp xếp lại sự xuất hiện của các textbox trên slide, thêm hình nền hay chèn các ảnh và video vào slide. (Hình 4.24)



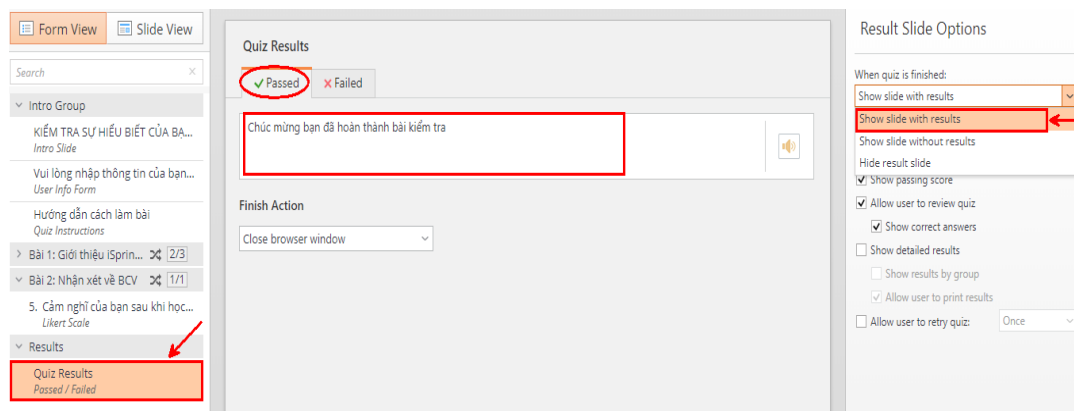
Hình 4. 24: tùy chỉnh giao diện slide hướng dẫn

3.4. Slide kết quả (Result Slide)

- Khi người học hoàn thành bài kiểm tra hay bài khảo sát, họ sẽ thấy một slide với điểm số chi tiết của họ. Các bài kiểm tra có tính điểm sẽ có 2 slide kết quả: Kết quả đậu và kết quả rớt. Các bài khảo sát chỉ có 1 slide kết quả.



- Trong cửa sổ soạn thảo câu hỏi, slide kết quả nằm ở nhóm **Results** ở cuối danh sách câu hỏi. Trên slide này, bạn có thể đăng một thông điệp về kết quả thành công hay không thành công của người học, cùng với điểm số của bài kiểm tra. (Hình 4.25)

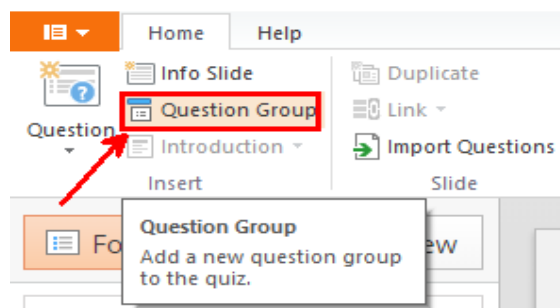


Hình 4. 25: cài đặt slide kết quả

- Chọn những gì sẽ hiển thị sau khi người học hoàn thành bài kiểm tra
- **Show slide with results**: cuối bài kiểm tra, người học sẽ thấy slide kết quả với điểm số cụ thể
 - **Show slide without results**: hiển thị slide mà không có kết quả.
 - **Hide result slide**: slide kết quả sẽ không hiển thị cho người học.
- Có 2 slides kết quả: đạt và không đạt. Để cài đặt cho slide đạt (Passed) thì nhấn chọn tab Passed và nhập thông điệp muốn hiển thị cho người học, ngược lại để hiển thị thông báo khi người học không vượt qua bài kiểm tra thì nhấn vào tab Failed.

4. Nhóm câu hỏi (Question Group)

- ❖ Với iSpring QuizMaker 9, bạn có thể tạo ra các nhóm câu hỏi trong một bài kiểm tra. Nếu bài kiểm tra của bạn bao gồm các bộ câu hỏi về các chủ đề khác nhau (có thể là các Bài học hoặc các Chương của một môn học) thì các nhóm câu hỏi cực kì hữu ích trong trường hợp này.
- ❖ Bài kiểm tra có thể bao gồm các câu hỏi từ tất cả các nhóm theo thứ tự cố định, hoặc bạn có thể lấy câu hỏi từ các nhóm ngẫu nhiên hay các nhóm được lựa chọn để đưa vào bài kiểm tra. Ngoài ra, bạn có thể lựa chọn số lượng các câu hỏi từ mỗi nhóm.
- ❖ Bạn có thể khóa vị trí của câu hỏi bằng cách liên kết các câu hỏi của một nhóm với nhau hay đính kèm một câu hỏi vào đầu hoặc cuối nhóm đó.
- ❖ Để thêm một nhóm gồm nhiều câu hỏi vào bài kiểm tra, nhấn **Question Group** trên thanh công cụ của *iSpring QuizMaker* (Hình 4.26)

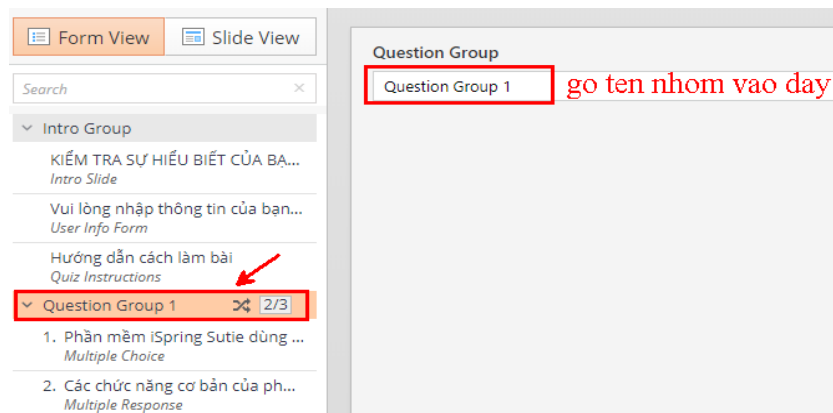


Hình 4. 26: Thêm nhóm câu hỏi

- ☞ Một nhóm mới sẽ được thêm vào danh sách các câu hỏi. Theo mặc định, nhóm mới này không chứa bất kỳ câu hỏi nào. Khi nhóm câu hỏi được tạo, bạn có thể thêm các câu hỏi vào nhóm đó, tạo bản sao của nhóm đó và điều chỉnh các cài đặt cho nhóm đó.

4.1. Đổi tên nhóm câu hỏi

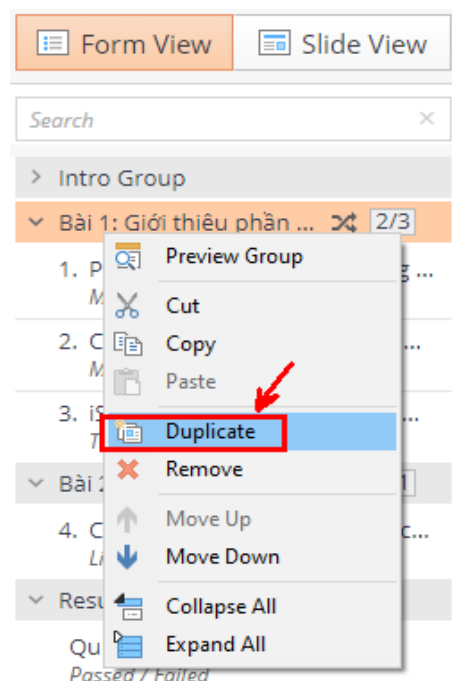
- Để đổi tên của nhóm câu hỏi, ta thực hiện như Hình 4.27
 - Chọn nhóm cần đổi tên trong khung chứa câu hỏi
 - Nhập tên của nhóm trong ô **Question Group**



Hình 4. 27: đổi tên nhóm câu hỏi

4.2. Tạo thêm bản sao của nhóm câu hỏi

- Để tạo bản sao của nhóm câu hỏi đang tồn tại, thực hiện như Hình 4.28
- Chọn nhóm câu hỏi cần sao chép
- Nhấp phải chuột và chọn Duplicate từ menu xổ xuống
- ➔ Bản sao của nhóm và tất cả câu hỏi của nhóm đó sẽ được thêm vào danh sách.

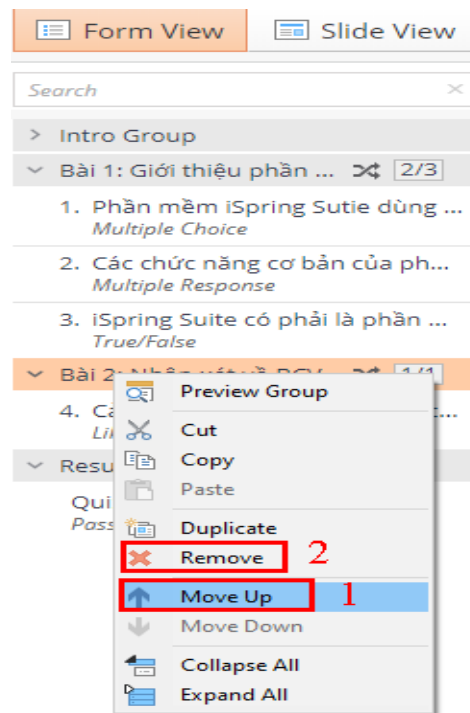


Hình 4. 28: tạo bản sao của nhóm câu hỏi

4.3. Di chuyển nhóm và xóa nhóm (Hình 4.29)

- Bạn có thể sắp xếp lại thứ tự của các nhóm bằng cách kéo chúng lên và xuống, hoặc có thể dùng Move up và Move down trong menu ngữ cảnh (1)

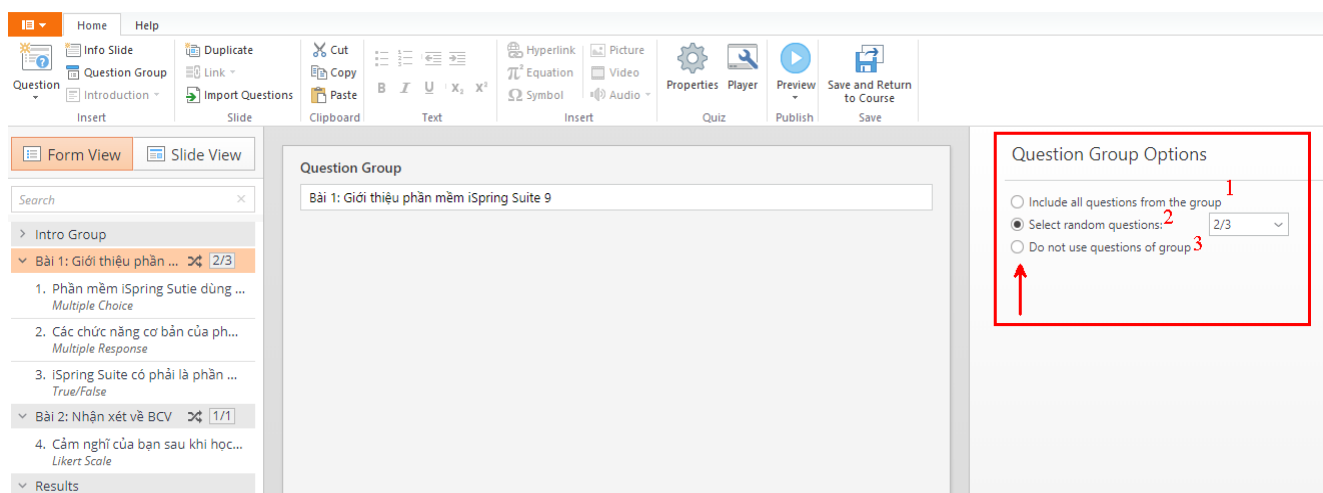
- Để xóa nhóm, chọn nhóm cần xóa và nhấn phím Delete trên bàn phím hoặc nhấp chuột phải và chọn Remove (2)



Hình 4. 29: xóa nhóm và di chuyển nhóm câu hỏi

4.4. Chọn câu hỏi ngẫu nhiên từ một nhóm

- Các câu hỏi của bài kiểm tra, có thể bao gồm: (Hình 4.30)
 - Tất cả câu hỏi từ một nhóm theo thứ tự cố định (1)
 - Chọn số câu hỏi cụ thể theo thứ tự ngẫu nhiên (2)
 - Tất cả câu hỏi trong nhóm sẽ bị bỏ qua (3)



Hình 4. 30: chọn câu hỏi ngẫu nhiên từ một nhóm

4.5. Nhóm câu hỏi ngẫu nhiên

- Bài kiểm tra cuối cùng có thể bao gồm câu hỏi từ tất cả các nhóm hay từ một số nhóm được sắp xếp ngẫu nhiên. Để lấy câu hỏi ngẫu nhiên từ các nhóm, ta thực hiện như sau:
 - Mở **Question Properties** và chọn **Question List** (Hình 4.31)
 - Chọn 1 trong 3 lựa chọn sau:
 - Các câu hỏi của bài kiểm tra được lấy từ tất cả các nhóm theo thứ tự cố định (1)
 - Các câu hỏi được lấy ngẫu nhiên từ số lượng nhóm cụ thể (2)
 - Các câu hỏi sẽ được hiển thị từ các nhóm được lựa chọn với số lượng được chỉ định cụ thể (3)
 - Các câu hỏi từ các nhóm được chọn sẽ được xáo trộn (4).

Quiz Properties

Main Properties
Quiz Scoring
Question Properties
Question List
Reporting

Setting Up the Question List

Include questions in the quiz

☐ Questions from all groups 1

☒ Questions from several random groups: 2/2 2

☐ Questions from selected groups: 3

Group Name	Random Selection	Number of Questions
<input checked="" type="checkbox"/> Bài 1: Giới thiệu phần mềm iSpring Suite 9	<input checked="" type="checkbox"/>	2/3
<input checked="" type="checkbox"/> Bài 2: Nhận xét về BCV	<input checked="" type="checkbox"/>	All

☒ Shuffle questions in the quiz 4

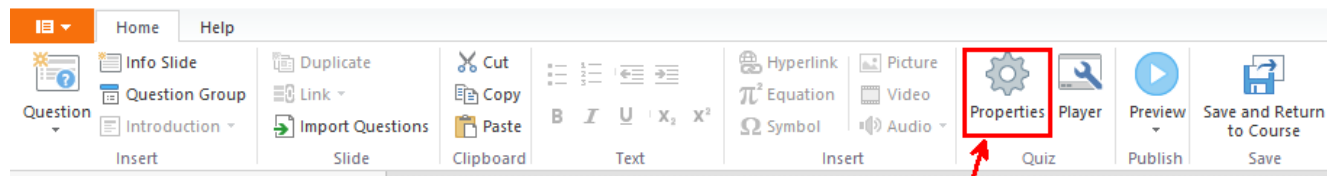
0
1
2
3

Save Cancel

Hình 4.31: chọn câu hỏi từ các nhóm ngẫu nhiên

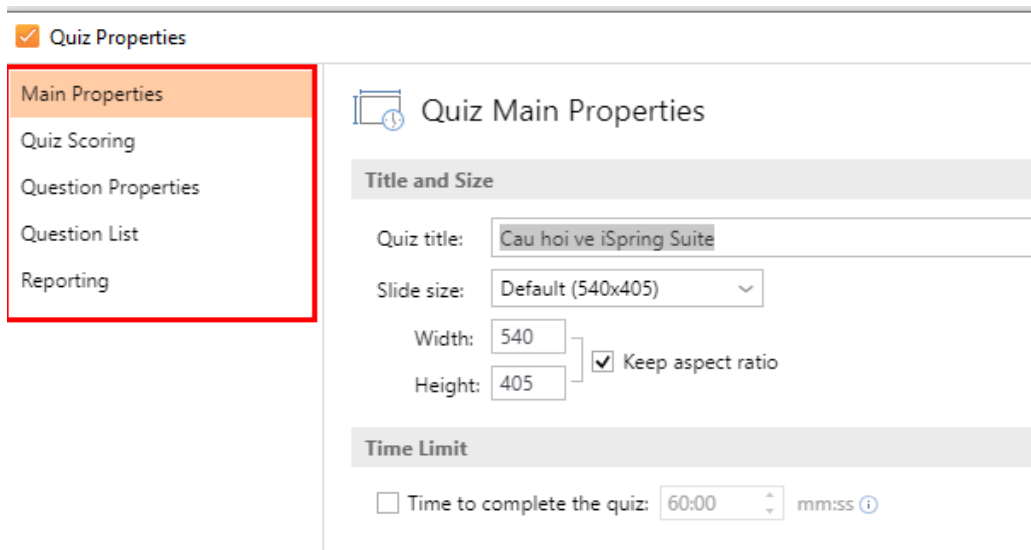
5. Thiết lập các thuộc tính của bài kiểm tra (Quiz Properties)

- ❖ Để chỉnh sửa cài đặt cho bài kiểm tra, nhấn vào Properties trên thanh công cụ của iSpring QuizMaker (Hình 4.32)



Hình 4. 32: mở hộp thoại Quiz Properties

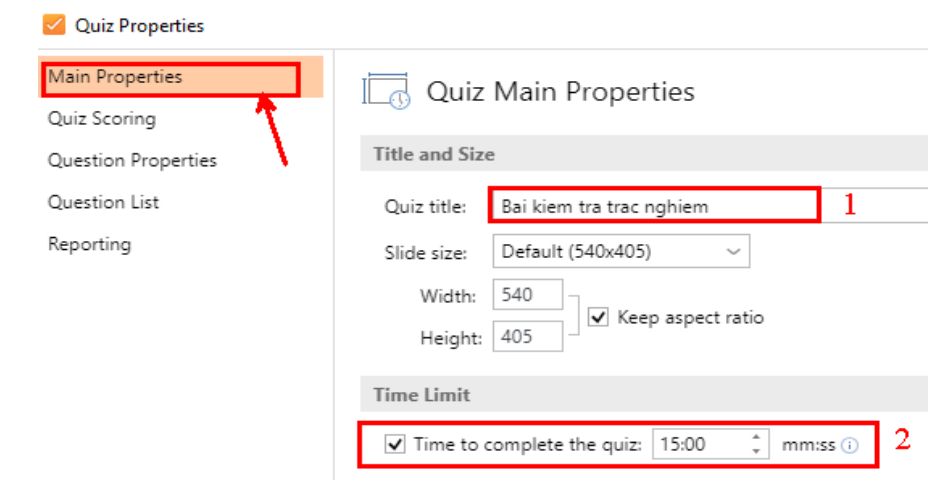
- ❖ Cửa sổ Quiz Properties gồm có 5 phần: (Hình 4.33)
 - **Main Properties:** các thuộc tính chính
 - **Quiz Scoring:** thiết lập điểm số cho bài kiểm tra
 - **Question Properties:** quy định điểm và phản hồi của các câu hỏi trong bài kiểm tra
 - **Question List:** cài đặt liên quan đến nhóm các câu hỏi
 - **Reporting:** thiết lập địa chỉ mail để nhận kết quả bài kiểm tra của người học



Hình 4. 33: màn hình Quiz Properties

5.1. Main Properties

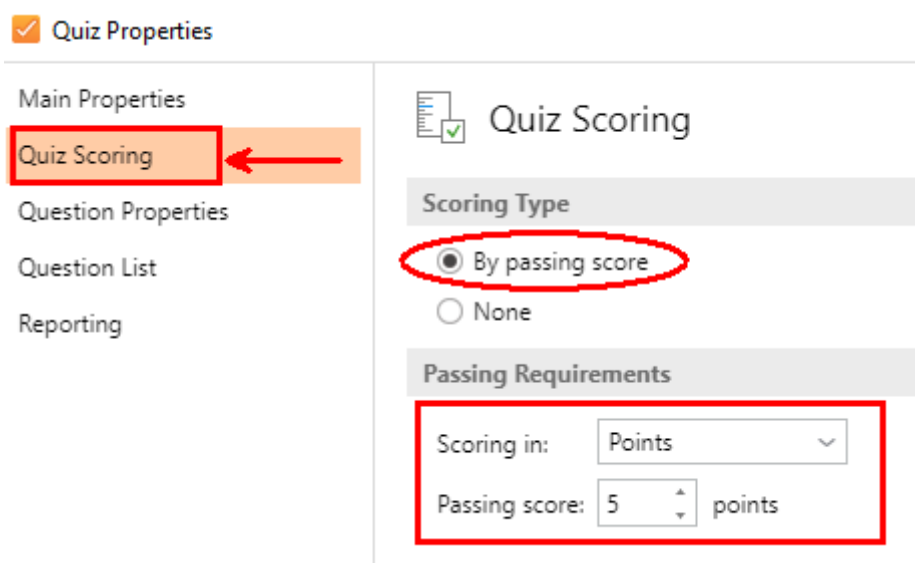
- Tại đây, bạn có thể đặt tên cho bài kiểm tra (1) và quy định thời gian để hoàn thành bài kiểm tra (2). Ví dụ, nếu bài kiểm tra 15 phút thì tại dòng Time to complete the quiz nhập vào thời gian là 15:00 (Hình 4.34)



Hình 4. 34: đặt tên và quy định thời gian cho bài kiểm tra

5.2. Quiz Scoring

- Tại lựa chọn này, bạn có chọn loại điểm cho bài kiểm tra được tính bằng phần trăm (percent) hay điểm (point) và điểm tối thiểu để vượt qua bài kiểm tra là bao nhiêu (Hình 3.25)



Hình 4. 35: quy định điểm tối thiểu cho bài kiểm tra

5.3. Question Properties

- Tại đây, bạn có thể chỉ định các thuộc tính mặc định cho các câu hỏi của bài kiểm tra, như điểm số cho câu trả lời đúng hoặc sai (1), quy định số lần thử lại sau khi hoàn thành bài kiểm tra (2), hiển thị các thông báo phản hồi cho các câu hỏi (3) và các quy định bổ sung cho bài kiểm tra. (Hình 4.36)

Question Properties

Score

Points for a correct answer: 0.5 ¹

Penalty for an incorrect answer: 0

Reduce the points for the question after each attempt: 0

☐ Apply penalty for unanswered questions

Restrictions

Number of attempts: 2 ²

☐ Limit time to answer the question: 01:00 mmss

☒ Shuffle answer choices

☐ Accept partially correct answers

☒ Allow user to skip survey questions

Feedback

☒ Show feedback for graded questions ³

☐ Show feedback for survey questions

Correct: Đúng rồi! Bạn đã chọn câu trả lời đúng.

Incorrect: Rất tiếc. Bạn trả lời chưa chính xác.

Partially Correct: Chưa hoàn toàn chính xác.

Try Again: Bạn trả lời chưa chính xác. Vui lòng thử lại. Bạn có %ANSWER_ATTEMPTS% lần thử

Answered: Cảm ơn câu trả lời của bạn.

Save Cancel

Hình 4. 36: quy định điểm và các thuộc tính cho các câu hỏi của bài kiểm tra

5.4. Question List

- Tại đây, bạn có thể chọn những câu hỏi sẽ được đưa vào bài kiểm tra của bạn và thay đổi thứ tự của chúng. (xem chi tiết tại mục Nhóm câu hỏi ở trên) (Hình 4.37)

Setting Up the Question List

Include questions in the quiz

☐ Questions from all groups

☒ Questions from several random groups: 2/4 ¹

☐ Questions from selected groups:

chọn câu hỏi từ các nhóm ngẫu nhiên

Group Name	Random Selection	Number of Questions
<input checked="" type="checkbox"/> Bài 1	<input checked="" type="checkbox"/>	2/3
<input checked="" type="checkbox"/> Bài 2	<input checked="" type="checkbox"/>	1/2
<input checked="" type="checkbox"/> Bài 3	<input checked="" type="checkbox"/>	3/3
<input checked="" type="checkbox"/> Bài 4	<input checked="" type="checkbox"/>	3/3

quy định số lượng câu hỏi lấy từ mỗi nhóm

☒ Shuffle questions in the quiz ²

xáo trộn các câu hỏi của bài kiểm tra

Hình 4. 37: quy định số lượng câu hỏi từ các nhóm để đưa vào bài kiểm tra

5.5. Reporting

- iSpring QuizMaker có thể gửi kết quả bài kiểm tra đến địa chỉ email của người hướng dẫn và người học hoặc đến máy chủ.
- Phiên bản rút gọn của báo cáo bao gồm thông tin cơ bản về kết quả của học sinh, như thời gian hoàn thành bài kiểm tra, điểm số đạt được và danh sách các câu hỏi. (Hình 4.38)

Họ và tên NGUYEN VAN A
 Email
 Trường
 Lớp
 Môn dạy
 Số điện thoại

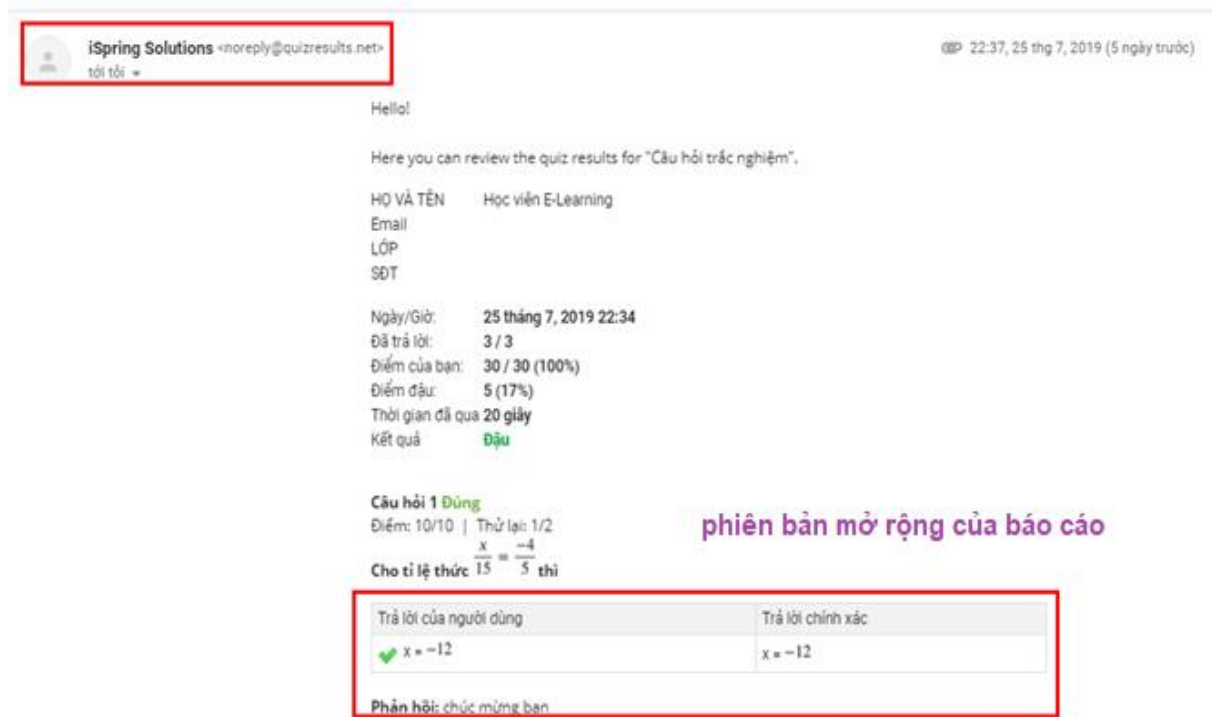
Ngày/Giờ: 27 tháng 7, 2019 15:06
 Đã trả lời: 2 / 4
 Điểm của bạn: 4 / 6 (67%)
 Điểm đầu: 5 (83%)
 Thời gian đã qua 25 giây
 Kết quả **Rót**

phiên bản rút gọn của báo cáo

#	Câu hỏi	Điểm thưởng	Điểm	Kết quả
1.	Phần mềm iSpring Suite dùng để làm gì?	2	2	✓
2.	Các chức năng cơ bản của phần mềm iSpring Suite bao gồm:	0	2	✗
3.	iSpring Suite có phải là phần mềm dùng để soạn bài giảng e-Learning không?	2	2	✓
4.	Cảm nghĩ của bạn sau khi học xong đợt tập huấn e-Learning lần này?	-	-	...

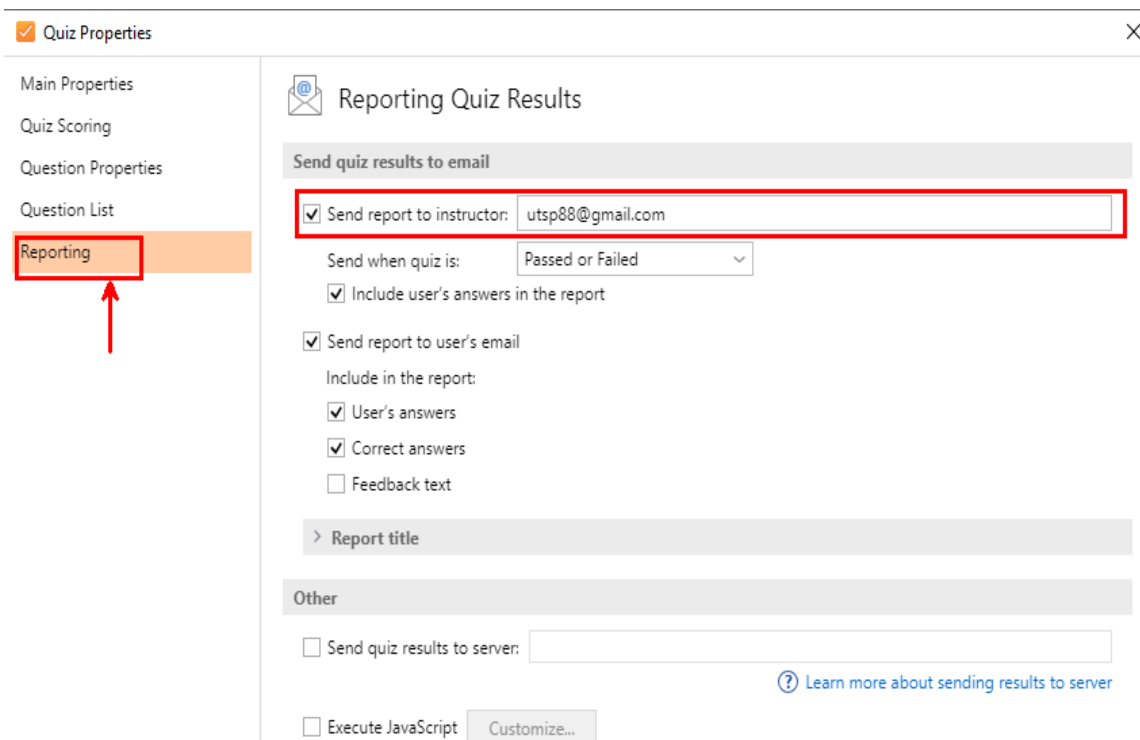
Hình 4. 38: mẫu báo cáo rút gọn khi gửi về mail của người hướng dẫn

- Phiên bản mở rộng của báo cáo bao gồm thông tin chung và thông tin chi tiết về cách người học trả lời từng câu hỏi. (Hình 4.39)



Hình 4. 39: phiên bản mở rộng của báo cáo

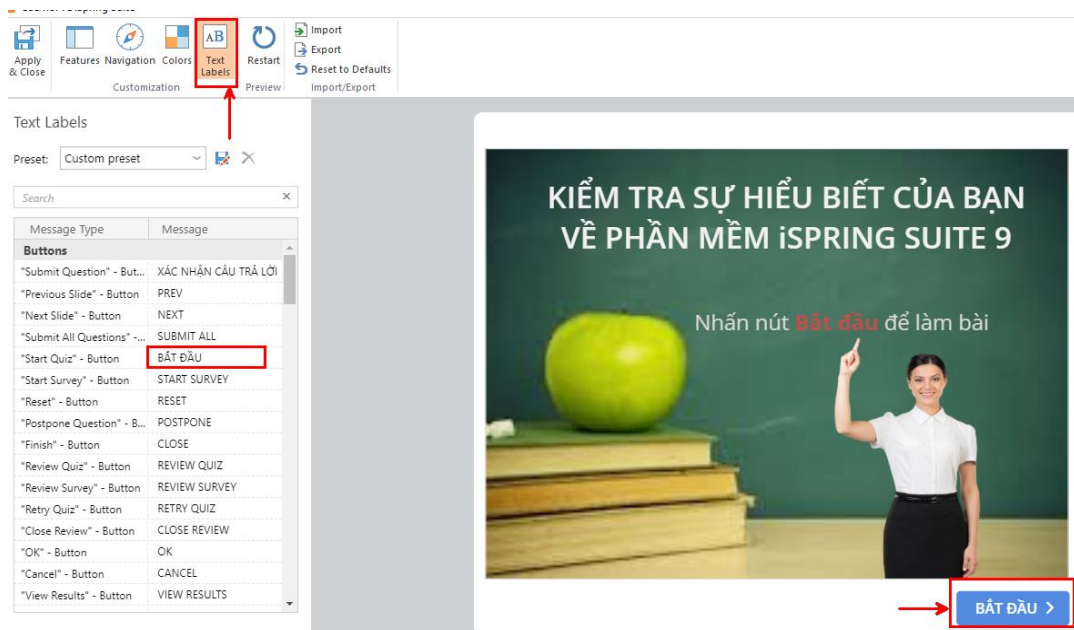
- Bạn có thể quy định thông tin nào sẽ được đưa vào báo cáo trong phần Reporting của Quiz Properties. (Hình 4.40)




Hình 4. 40: thiết lập thông tin báo cáo khi gửi về mail của người hướng dẫn

6. Viết hóa các thông báo và nút lệnh của bài kiểm tra

- ❖ Nhấn vào Text Label trên thanh công cụ của QuizPlayer và tiến hành viết hóa các nhãn (label) tại cột Message, tất cả thay đổi lập tức được áp dụng và hiển thị phía bên phải của màn hình xem trước. (Hình 4.41)



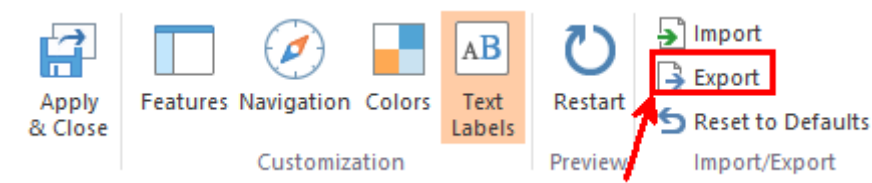
Hình 4. 41: viết hóa các thông điệp của bài kiểm tra

- ❖ Sau khi viết hóa các message, để lưu lại bản viết hóa sử dụng cho các lần sau thì nhấn vào nút **Save as** , nhập tên preset và nhấn Save.

6.1. Xuất bản viết hóa ra thành tập tin (Export)

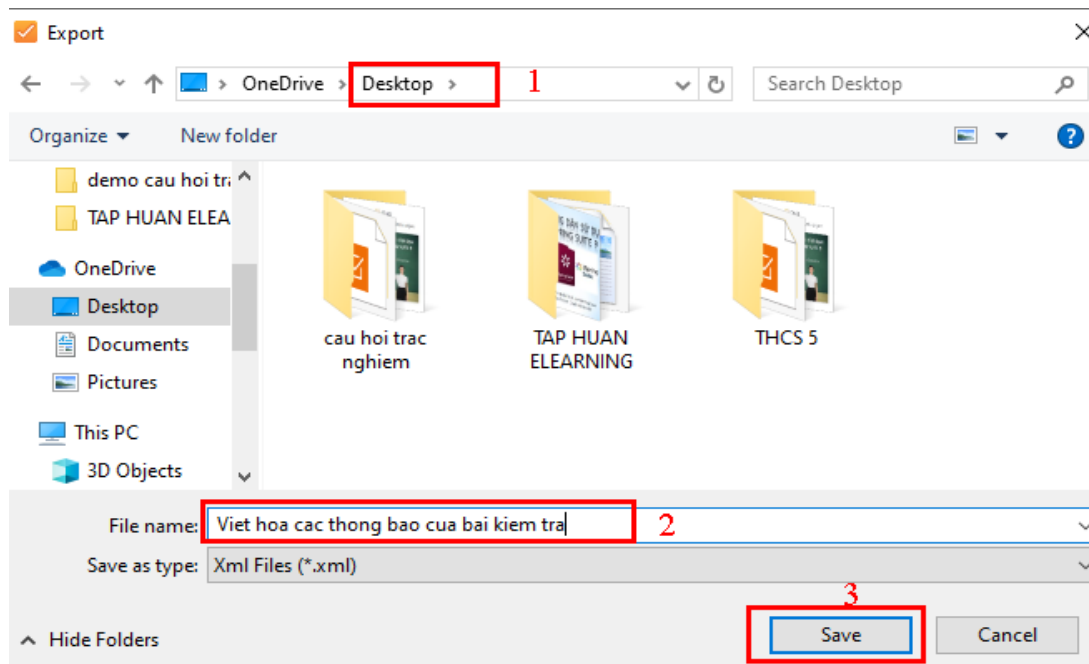
- Sau khi viết hóa các thông báo và nút lệnh của bài kiểm tra, bạn có thể xuất bản viết hóa đó ra thành tập tin lưu trong máy tính và chia sẻ cho nhiều người.

☞ **B1:** Nhấn vào nút Export trên thanh công cụ



Hình 4. 42: xuất bản viết hóa thành tập tin

- ☞ **B2:** Trong hộp thoại Export, chọn nơi lưu (1) và đặt tên cho tập tin cài đặt của PlayerQuiz (2). Xem hình 4.43



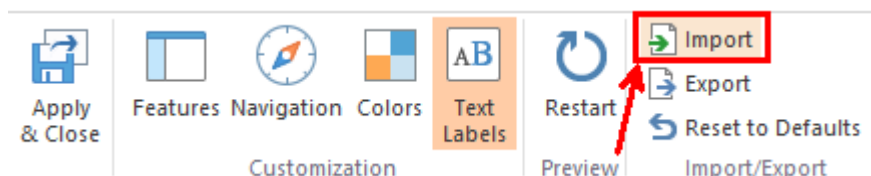
Hình 4. 43: lưu bản viết hóa trong máy tính

- ☞ **B3:** Nhấn nút Save (3). Tất cả các cài đặt cho player sẽ được lưu thành tập tin XML trong thư mục đã chọn.

6.2. Nhập tập tin đã viết hóa từ máy tính (Import)

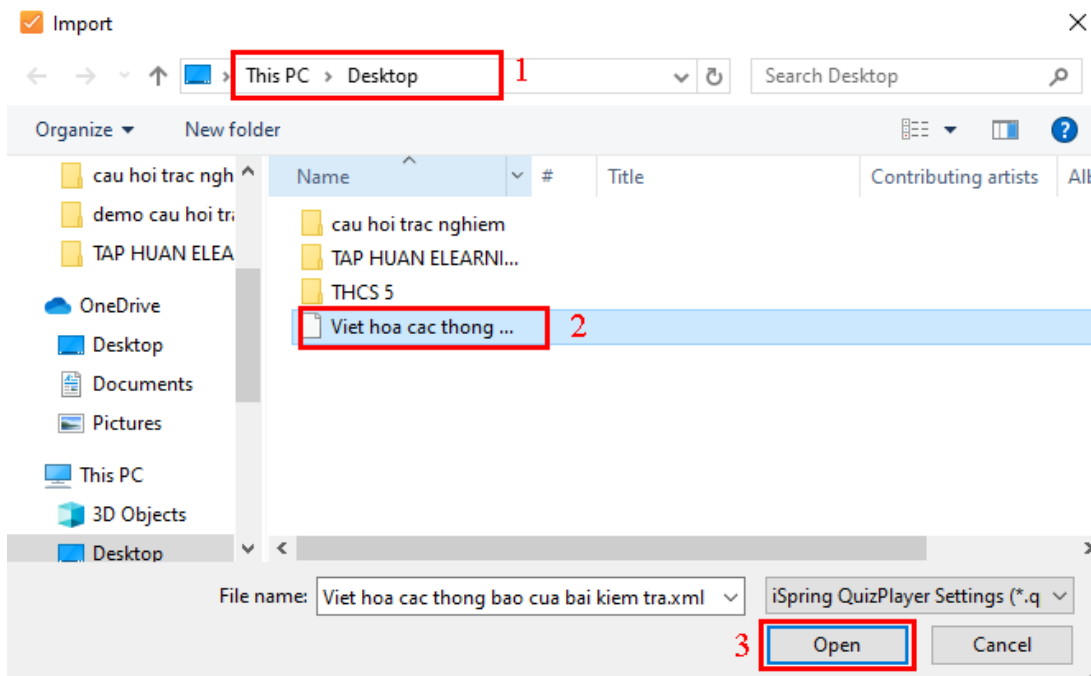
- Để import tập tin đã viết hóa vào player của quiz

- ☞ **B1:** Nhấn nút Import trên thanh công cụ (Hình 4.44)



Hình 4. 44: mở hộp thoại import

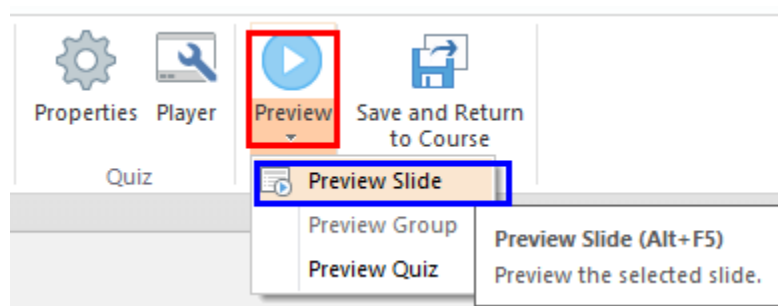
- ☞ **B2:** Hộp thoại Import xuất hiện, chọn nơi lưu tập tin đã viết hóa (1), nhấn chọn tập tin đó (2) và nhấn Open (3) để tiến hành import tập tin viết hóa vào phần cài đặt của bài kiểm tra. (Hình 4.45)



Hình 4. 45: Import tập tin đã viết hóa vào player của câu hỏi quiz

7. Xem trước bài kiểm tra trước khi xuất bản (Preview)

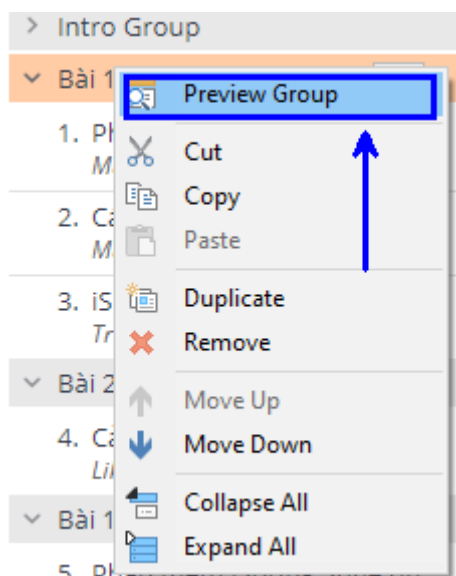
- ❖ Bạn có thể dễ dàng xem trước toàn bộ bài kiểm tra hoặc khảo sát để xem nó sẽ xuất hiện như thế nào với người học. Ngoài ra, bạn có tùy chọn để xem trước một câu hỏi hoặc nhóm câu hỏi cụ thể.
- ❖ Để xem trước bài kiểm tra của bạn, nhấp vào mũi tên xuống trên nút Xem trước và chọn một trong các tùy chọn có sẵn: (Hình 4.46)



Hình 4. 46: xem trước bài kiểm tra

- Xem trước slide (Alt + F5)
- Xem trước nhóm câu hỏi
- Xem trước bài kiểm tra (F5 trên bàn phím)

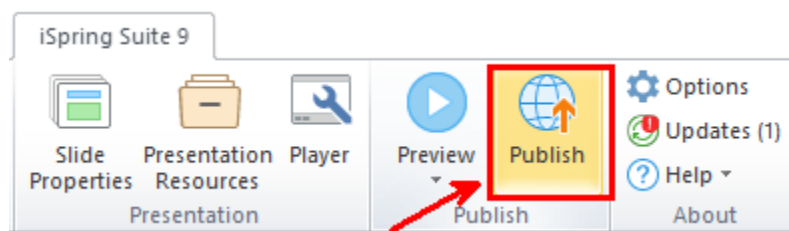
- ❖ Ngoài ra, bạn có thể nhấp chuột phải vào một câu hỏi hoặc một nhóm câu hỏi trong danh sách câu hỏi và chọn Xem trước Slide hoặc Nhóm câu hỏi để xem trước từ menu. (Hình 4.47)



Hình 4. 47: xem trước nhóm câu hỏi

8. Xuất bản bài kiểm tra (Publish Quizzes)

- ☞ **B1**: Nhấp vào nút **Publish** trên thanh công cụ iSpring QuizMaker để mở cửa sổ Xuất bản Câu hỏi. (Hình 4.48)

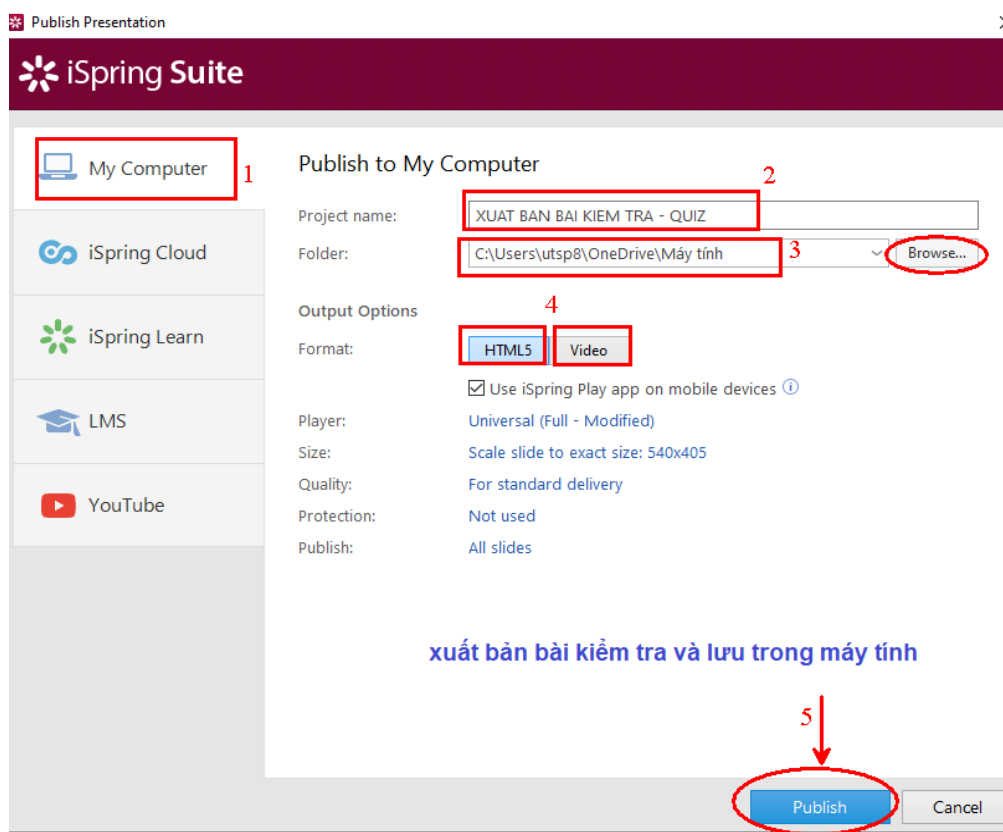


Hình 4. 48: mở hộp thoại xuất bản bài kiểm tra

- ☞ **B2**: Cửa sổ Publish Quiz cho phép bạn xuất bản bài kiểm tra ở định dạng HTML5 và tùy chọn đầu ra cho bài kiểm tra được xuất bản.
 - **My computer (1)**: bạn có thể lưu bài kiểm tra trên máy tính ở định dạng web sẵn sàng để tải lên và chia sẻ sau này.
 - **iSpring Cloud**: xuất bản bài kiểm tra của bạn lên dịch vụ chia sẻ iSpring Cloud để chia sẻ công khai hoặc riêng tư.

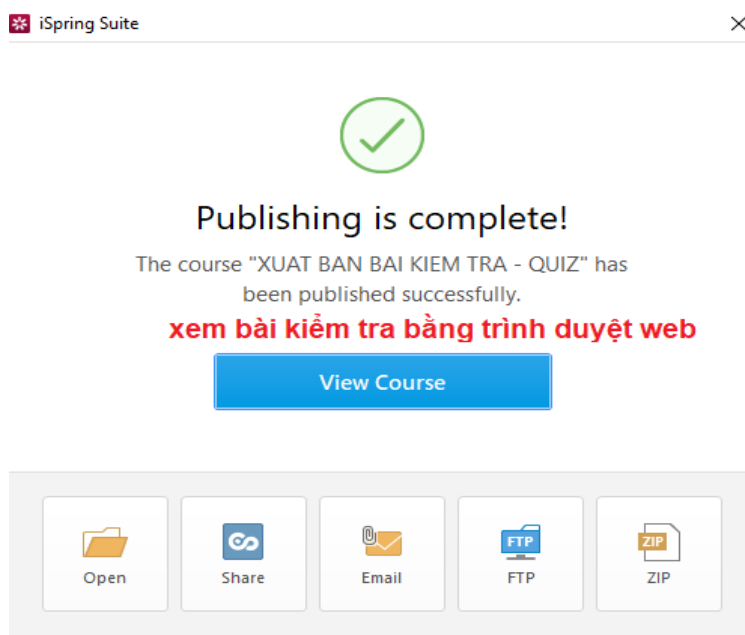
- **iSpring Learn**: tùy chọn này cho phép bạn xuất bản bài kiểm tra của mình lên hệ thống học tập (LMS) iSpring Learn và theo dõi các hoạt động xem và học của người học.
- **LMS**: chọn tùy chọn này để chuẩn bị tải bài kiểm tra của bạn lên hệ thống học tập LMS.
- **Youtube**: tùy chọn này cho phép bạn upload bài kiểm tra của bạn trên youtube.

☞ **B3**: Đặt tên cho bài kiểm tra khi xuất bản (2), chọn nơi lưu (3), chọn định dạng khi xuất bài kiểm tra (4) và nhấn Publish (5) để xuất bản bài kiểm tra. (Hình 4.49)

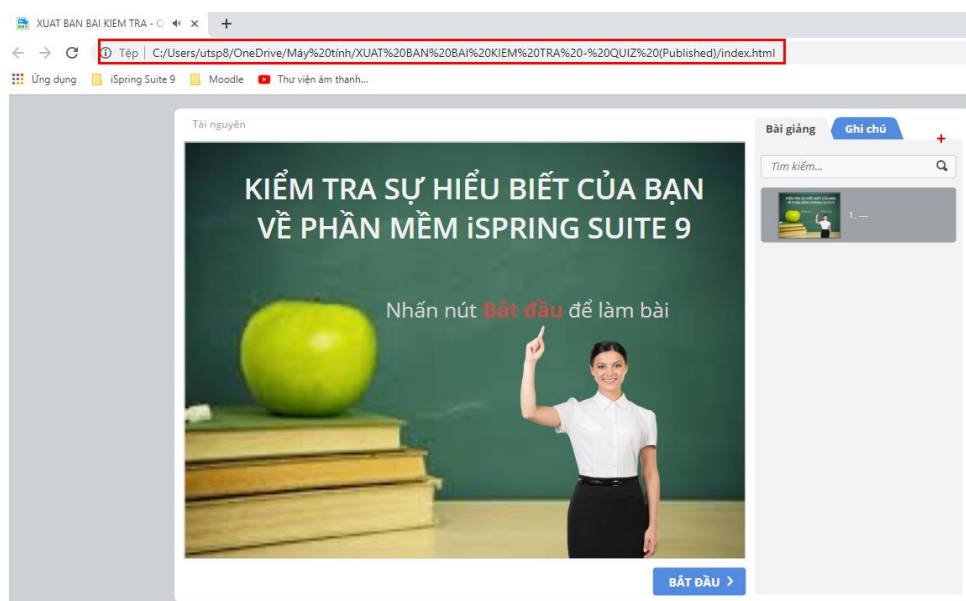


Hình 4. 49: xuất bản bài kiểm tra

☞ **B4**: sau khi quá trình xuất bản hoàn tất, cửa sổ thông báo hoàn tất việc xuất bản xuất hiện, nhấn vào **View Course** để xem bài kiểm tra sau khi xuất hiện bằng trình duyệt web. (Hình 4.50 và Hình 4.51)



Hình 4. 50: xuất bản bài giảng thành công



Hình 4. 51: bài kiểm tra được mở trên trình duyệt web